TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HS-ST
Ngày 26-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Khoan

Ông Nguyễn Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mừng, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn kết nối với điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lạng Sơn. Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn xét xử công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2026/TLST-HS ngày 20 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Vi Văn N, sinh ngày 02 tháng 5 năm 1974; tại xã B, tỉnh Lạng Sơn. Căn cước công dân số: 020074005184; cấp ngày: 24/6/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn Y, xã B, tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Vi Văn T, sinh năm 1936 (đã chết), con bà Nông Thị B, sinh năm 1937 (đã chết); Vợ: Âu Thị T1, sinh năm 1973; con: có 02 người con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật lần nào.

Bị cáo bị tạm giam tại Phân trại tạm giam L – Trại tạm giam Công an tỉnh L từ ngày 09/01/2026 đến nay. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Cán bộ, chiến sỹ đang công tác tại Phân trại tạm L – Trại tạm giam Công an tỉnh L:

1. Ông Hoàng Văn K. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

2. Ông Đỗ Văn N1. Có mặt tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 30 phút ngày 28/12/2025, tổ công tác của Công an xã H, tỉnh Lạng Sơn làm nhiệm vụ tại khu V, thôn P, xã H, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Vi Văn N đang trên đường về nhà tại thôn Y có đem theo 01 khẩu súng và 39 viên đạn. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc đối với Vi Văn N và tiến hành thu giữ khẩu súng cùng 39 viên đạn, chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh L để xử lý theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 70/KL-KTHS ngày 31/12/2025 của Phòng ký thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận:

- Khẩu súng dài 90cm gửi giám định là súng bắn đạn cỡ 5,6mm thuộc vũ khí quân dụng (theo điểm g khoản 2 Điều 2 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam về Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ). Hiện tại khẩu súng vẫn còn sử dụng để bắn được.

- 39 viên đạn gửi giám định đều là loại cỡ 5,6mm x 15,5mm thuộc đạn quân dụng (theo điểm g khoản 2 Điều 2 Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam về Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ). Hiện tại 39 viên đạn vẫn còn sử dụng để bắn được và có thể sử dụng để bắn cho khẩu súng gửi giám định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Vi Văn N khai: Năm 2010, do thường xuyên sang nhà anh trai ruột là Vy Văn B1, sinh năm 1968; cùng trú tại: Thôn Y, xã B, tỉnh Lạng Sơn để chăm sóc Vy Văn Binh bị ốm nặng. Vy Văn B1 cho Vi Văn N biết Vy Văn B1 có 01 khẩu súng và đạn đang cất giấu ở dưới gầm giường. Vy Văn B1 bảo Vi Văn N mang khẩu súng và đạn mang về nhà Vi Văn N cất giấu vì Vy Văn B1 sợ các con của Vy Văn B1 mang đi sử dụng, không ai quản lý, Vi Văn N đồng ý.

Do có sở thích săn bắn, nên khoảng 03 đến 04 ngày sau khi Vy Văn B1 chết (Vy Văn B1 chết ngày 23/01/2010), Vi Văn N đến nhà Vy Văn B1 lấy 01 khẩu súng và một số đạn ở gầm giường ngủ nhà Vy Văn B1 mang về nhà và kiểm tra thấy khẩu súng đã được lắp hoàn chỉnh, đạn có khoảng 50 viên, Vi Văn N cất giấu súng, đạn trong phòng ngủ của mình.

Trong năm 2010, Vi Văn N mang súng, đạn đi săn bắn thú rừng tại rừng hồi của gia đình thuộc khu R, xã H, tỉnh Lạng Sơn giáp gianh với xã B, tỉnh Lạng Sơn khoảng 03 đến 04 lần, mỗi lần bắn sử dụng khoảng 03 đến 04 viên đạn. Sau đó do bận việc, Vi Văn N không sử dụng khẩu súng này nữa.

Đến chiều ngày 28/12/2025, Vi Văn N mang khẩu súng cùng 39 viên đạn còn lại từ nhà đến rừng hồi của gia đình để săn bắn thú rừng. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Vi Văn N mang khẩu súng, đạn trên đường về nhà thì bị Công an xã H, tỉnh Lạng Sơn phát hiện, thu giữ.

Những tình tiết khác liên quan đến vụ án:

Đối với Vy Văn B1; sinh năm 1968, trú tại thôn Y, xã B, tỉnh Lạng Sơn là anh ruột của Vi Văn N, đã chết ngày 23/01/2010. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh làm rõ nguồn gốc khẩu súng cùng số đạn đã thu giữ. Tiến hành ghi lời khai Lưu Thị E, sinh năm 1967, là vợ của Vy Văn B1; Vy Thị B2 và Vy Văn H, sinh năm 1993 đều là con của Vy Văn B1, cùng trú tại thôn Y, xã B, tỉnh Lạng Sơn, qua điều tra đã xác định: Thời điểm Vy Văn B1 còn sống, Lưu Thị E, Vy Thị B2, Vy Văn H không biết Vy Văn B1 có khẩu súng và số đạn, nên Cơ quan điều tra xác định những người trên không liên quan đến vụ án.

Đối với hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng của Vi Văn N. Qua điều tra xác định: Vi Văn N khai đầu năm 2010, được Vy Văn B1 cho súng và đạn, sau khi Vy Văn B1 chết, Vi Văn N lấy khẩu súng, đạn mang về nhà mình cất giấu. Trong năm 2010, Vi Văn N mang khẩu súng, đạn đến khu rừng hồi của gia đình thuộc khu R, xã H, tỉnh Lạng Sơn để săn bắn. Từ năm 2011 đến trước thời điểm bị phát hiện tàng trữ súng, đạn Vi Văn N không sử dụng. Đến ngày 28/12/2025, Vi Văn N mang súng, đạn đi sử dụng với mục đích bắn thú rừng, nhưng chưa sử dụng. Ngoài lời khai của Vi Văn N, Cơ quan điều tra không có tài liệu nào khác thể hiện Vi Văn N sử dụng từ năm 2011 đến nay. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ đề nghị xử lý đối với hành vi sử dụng trái phép vũ khí quân dụng của Vi Văn N.

Đối với những người sống cùng nhà với Vi Văn N gồm Âu Thị T1 là vợ của Vi Văn N, các con của Vi Văn N là Vi Văn T2, Vi Thị T3. Quá trình điều tra xác định những người này không biết và không tham gia giúp sức đối với hành vi phạm tội của Vi Văn N. Do vậy, Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến vụ án.

Đối với giá trị 01 khẩu súng, 39 viên đạn thu giữ của Vi Văn N. Quá trình điều tra xác định khẩu súng, đạn mà Vi Văn N tàng trữ không có hóa đơn, chứng từ; không có thông tin tài liệu làm căn cứ xác định nguồn gốc xuất xứ, thông số kỹ thuật, thời gian sản xuất, thời gian đưa vào sử dụng đối với khẩu súng, đạn thu giữ. Trước đó, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L có Công văn số 1557/CQANĐT, ngày 20/11/2025 về việc phối hợp xác định căn cứ pháp luật để định giá tài sản là vũ khí quân dụng. Sở T5 có Công văn số 6733/STC-QLG&CS, ngày 26/11/2025 phúc đáp với nội dung "*quá trình điều tra nếu Cơ quan An ninh điều tra không thu thập được hóa đơn chứng từ mua bán đối với các tài sản định giá; không có thông tin, tài liệu làm căn cứ xác định nguồn gốc xuất xứ, thông số kỹ thuật, thời gian sản xuất, thời gian đưa vào sử dụng đối với tài sản yêu cầu định giá sẽ không đủ thông tin để tiến hành định giá tài sản".* Do vậy không có căn cứ để tiến hành định giá tài sản đối với khẩu súng, đạn thu giữ của Vi Văn N, không có căn cứ thay đổi khung hình phạt do Cơ quan An ninh điều tra đã khởi tố đối với Vi Văn N.

Vật chứng của vụ án: Hiện đang được quản lý tại kho vật chứng Đại đội 29 kho vũ khí – đạn, Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L theo Quyết định tạm nhập vật chứng vụ án số 05/QĐ-BCH ngày 10/02/2026; Lệnh nhập kho số 05, ngày 10/02/2026 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh L.

Cáo trạng số: 26/CT-VKSLS-P2 ngày ngày 16/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Vi Văn N về tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng" theo khoản 1 Điều 304 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Vi Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 304, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Vi Văn N từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười năm) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Về vật chứng của vụ án:

- 01 khẩu súng dài 90cm định là súng bắn đạn cỡ 5,6mm

- 39 viên đạn đều là loại cỡ 5,6mm x 15,5mm

Hiện đang được quản lý tại kho vật chứng Đại đội 29 kho vũ khí – đạn, Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L theo Quyết định tạm nhập vật chứng vụ án số 05/QĐ-BCH ngày 10/02/2026; Lệnh nhập kho số 05, ngày 10/02/2026 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh L.

Đề nghị giao cho Bộ chỉ hủy quân sự tỉnh Lạng Sơn quản lý và xủ lý theo quy định.

Về án phí: Bị cáo bị kết án phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của bị cáo: Bị cáo Vi Văn N không có ý kiến tranh luận gì, nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại phần nói lời sau cùng: Bị cáo không có ý kiến gì đê nghị với Hội đồng xét xử.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, đánh giá toàn diện tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không khiếu nại quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Trên cơ sở các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để kết luận: Năm 2010, Vi Văn N được Vy Văn B1 (là anh trai của Vi Văn N) cho một khẩu súng và một số đạn sử dụng cho khẩu súng này. Vi Văn N đã đem về nhà mình tại thôn Y, xã B, tỉnh Lạng Sơn cất giấu. Ngày 28/12/2025, Vi Văn N đem khẩu súng trên đến khu rừng hồi của gia đình ở khu rừng C, xã H, tỉnh Lạng Sơn để săn bắn thì bị kiểm tra thu giữ. Tại kết

luận giám định số 70/KL-KTHS ngày 31/12/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh L kết luận: *"Khẩu súng dài 90cm gửi giám định là súng bắn đạn cỡ 5,6mm thuộc vũ khí quân dụng ... Hiện tại khẩu súng vẫn còn sử dụng để bắn được. 39 viên đạn gửi giám định đều là loại cỡ 5,6mm x 15,5mm thuộc đạn quân dụng ... Hiện tại 39 viên đạn vẫn còn sử dụng để bắn được và có thể sử dụng để bắn cho khẩu súng gửi giám định"*. Việc cất giấu 01 khẩu súng vẫn sử dụng được, không trình báo, không giao nộp cho cơ quan chức năng là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với vũ khí quân dụng. Hành vi của bị cáo Vi Văn N đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép vũ khí quân dung"* theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Vi Văn N phạm tội *"Tàng trữ trái phép vũ khí quân dung"* theo quy định tại khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo Vi Văn N2 là nguy hiểm cho xã hội, đe dọa trực tiếp đến an toàn công cộng, trật tự xã hội, cũng như tính mạng, sức khỏe và tài sản của con người, do vậy cần thiết phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4] Về nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật lần nào, nên bị cáo là người có nhân thân tốt.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vi Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vi Văn N quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Vi Văn N được Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn xác nhận là người duy nhất thờ cúng liệt sĩ Vy Văn T4, là chú ruột của bị cáo, nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[8] Tại biên bản xác minh ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L xác định bị cáo có nghề nghiệp làm ruộng, không có tài sản riêng, không có căn cứ bị cáo đã được thu lợi bất chính từ việc tàng trữ trái phép súng, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 64, 66, 69 và 70 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ: Tịch thu 01 khẩu súng dài 90cm là súng bắn đạn cỡ 5,6mm và 39 viên đạn đều là loại cỡ 5,6mm x 15,5mm. Hiện đang được quản lý tại kho vật chứng Đại đội 29 kho vũ khí – đạn, Phòng Hậu cần – Kỹ thuật,

Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L theo Công văn số 247/ANĐT-DD2 ngày 27/01/2026 v/v gửi vật chứng vụ án của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh L, Quyết định tạm nhập vật chứng vụ án số 05/QĐ-BCH ngày 10/02/2026; Lệnh nhập kho số 05, ngày 10/02/2026 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh L và Biên bản giao nhận ngày 12/02/2026 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L với Đại đội 29, Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L. Cần giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh L quản lý và xử lý vật chứng thuộc vũ khí quân dụng nêu trên theo quy định của pháp luật.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và các vấn đề khác đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy chưa tương xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm của bị cáo, nên không được chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị Vi Văn N bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[12] Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 304; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật hình sự

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 64, 66, 69 và 70 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vi Văn N phạm tội *"Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng"*.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Vi Văn N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày 09/01/2026.

3. Về vật chứng: Tịch thu 01 khẩu súng dài 90cm là súng bắn đạn cỡ 5,6mm và 39 viên đạn đều là loại cỡ 5,6mm x 15,5mm

Hiện đang được quản lý tại kho vật chứng Đại đội 29 kho vũ khí – đạn, Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L theo Công văn số 247/ANĐT-DD2 ngày 27/01/2026 v/v gửi vật chứng vụ án của Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh L, Quyết định tạm nhập vật chứng vụ án số 05/QĐ-BCH ngày 10/02/2026; Lệnh nhập kho số 05, ngày 10/02/2026 của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh L và Biên bản giao nhận ngày 12/02/2026 giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh L với Đại đội 29, Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh L.

4. Về án phí: Bị cáo Vi Văn N bị kết án, phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Vi Văn N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 – Lạng Sơn;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Lạng Sơn (PV06);
- Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Phân trại tạm giam Lộc Bình;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lạng Sơn;
- Đại đội 29, Phòng Hậu cần – Kỹ thuật, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; HCTP;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc